

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ II năm học 2024-2025
và toàn khóa học của sinh viên lớp D20KTR1 và D21CTC1**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

Căn cứ Nghị Quyết số 107/NQ-HĐT ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHXDMT ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-ĐHXDMT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung về việc đánh giá kết quả học tập sinh viên đại học lớp D20KTR1, D21CTC1 học kỳ II năm học 2024 - 2025 (dành cho sinh viên cuối khóa);

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên, Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả đánh giá và xếp loại rèn luyện học kỳ II năm học 2024-2025 và toàn khóa học của sinh viên lớp D20KTR1 và D21CTC1.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Kết quả điểm rèn luyện là căn cứ xét học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng theo Quy chế. Kết quả điểm rèn luyện sinh viên được lưu trong hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khóa của sinh viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1 và Điều 3 (t/h);
- HĐT, Hiệu trưởng (b/c);
- Cố vấn học tập, lớp sinh viên;
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Đức Thường

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kiến trúc công trình

Lớp học : D20KTR1

STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	20DQ5801011003	Ngô Thanh	Dũng	72	72	72	Khá	
2	20DQ5801011004	Nguyễn Quốc	Duy	72	72	72	Khá	
3	20DQ5801011006	Hồ Thế Hoàng	Đức	72	72	72	Khá	
4	20DQ5801011007	Nguyễn Tấn	Được	83	94	90	Xuất sắc	
5	20DQ5801011008	Hoàng Văn	Hà	72	72	72	Khá	
6	20DQ5801011009	Nguyễn Thái Sơn	Hà	78	74	75	Khá	
7	20DQ5801011010	Đào Thái	Hải	80	80	80	Tốt	
8	20DQ5801011011	Nguyễn Long	Hùng	92	88	89	Tốt	
9	20DQ5801011012	Trần Chí	Huy	78	78	78	Khá	
10	20DQ5801011017	Trần Văn	Quốc	74	74	74	Khá	
11	20DQ5801011021	Phan Tấn	Thắng	74	74	74	Khá	
12	20DQ5801011022	Nguyễn Trung	Thiên	85	85	85	Tốt	
13	20DQ5801011023	Trần Quốc	Thông	78	74	75	Khá	
14	20DQ5801011024	Tạ Thị Hoài	Thu	100	96	97	Xuất sắc	
15	20DQ5801011026	Trần Nhật	Trường	72	72	72	Khá	
16	20DQ5801011028	Trần Lê	Vy	98	94	95	Xuất sắc	
17	20DQ5801011029	Trương Việt	Hoàng	64	64	64	TB	
18	20DQ5801011030	Phạm Quốc	Hung	71	71	71	Khá	
19	20DQ5801011031	Hà Tâm	Sinh	69	69	69	Khá	
20	20DQ5801011033	Huỳnh	Tín	69	69	69	Khá	
21	20DQ5801011035	Trương Quốc	Toàn	71	71	71	Khá	
22	20DQ5801011038	Trịnh Gia	Bảo	66	66	66	Khá	
23	20DQ5801011040	Lê Võ Phương	Duyên	80	80	80	Tốt	
24	20DQ5801011041	Nguyễn Ngọc	Thanh	71	71	71	Khá	
25	20DQ5801011042	Phan Thị Bảo	Trân	100	100	100	Xuất sắc	
26	20DQ5801011046	Nguyễn Thị	Hồng	96	96	96	Xuất sắc	
27	20DQ5801011047	Nguyễn Duy Hải	Lam	67	67	67	Khá	
28	20DQ5801011048	Huỳnh Gia	Huệ	78	78	78	Khá	
29	20DQ5801011050	Phan Minh	Thiết	72	72	72	Khá	
30	20DQ5801011051	Nguyễn Trọng	Tinh	76	72	73	Khá	
31	20DQ5801012001	Đỗ Ngọc Quỳnh	Ngân	75	75	75	Khá	



STT	Mã SV		Họ và tên			ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
	Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ				
	Xuất sắc	5	16.13%	TB Khá	0	0.00%				
	Tốt	4	12.90%	TB	1	3.23%				
	Khá	21	67.74%	Yếu -Kém	0	0.00%				

Phú Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2025



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Lê Đức Thương

Trưởng phòng CTSV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN NĂM HỌC 2024 - 2025

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ thông tin

Lớp học : D21CTC1

STT	Mã SV	Họ và tên		ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
1	21DQ4802011001	Lê Hoài	Ân	81	81	81	Tốt	
2	21DQ4802011002	Đặng Hùng	Dũng	66	68	67	Khá	
3	21DQ4802011003	Nguyễn Như	Quỳnh	91	77	82	Tốt	
4	21DQ4802011004	Lê Hoàng	Vĩ	58	58	58	TB	
5	21DQ4802011005	Trần Bảo	Khanh	81	83	82	Tốt	
6	21DQ4802011007	Nguyễn Đăng	Hải	66	58	61	TB	
7	21DQ4802011009	Phạm Thị Huyền	Mai	66	73	71	Khá	
8	21DQ4802011010	Đặng Chí	Toàn	73	65	68	Khá	
9	21DQ4802011012	Trương Minh	Tâm	71	73	72	Khá	
10	21DQ4802011013	Lê Khánh	Trình	91	88	89	Tốt	
11	21DQ4802011014	Nguyễn Võ Anh	Kiệt	73	65	68	Khá	
12	21DQ4802011015	Nguyễn Ngọc Duy	Phương	73	73	73	Khá	
13	21DQ4802011017	Phan Tấn	Phúc	78	75	76	Khá	
14	21DQ4802011019	Trần Hữu	Tĩnh	75	65	68	Khá	
15	21DQ4802011020	Võ Ngọc Hoàng Thiên	Bảo	89	81	84	Tốt	
16	21DQ4802011024	Nguyễn Anh	Nhật	78	68	71	Khá	
17	21DQ4802011027	Phan Lâm	Kỳ	71	71	71	Khá	
18	21DQ4802011033	Nguyễn Văn	Hoàng	69	61	64	TB	
19	21DQ4802011035	Nguyễn Mạnh	Hưng	69	61	64	TB	
20	21DQ4802011036	Phạm Huỳnh	Chi	73	73	73	Khá	
21	21DQ4802011038	Võ Xuân	Tuấn	91	88	89	Tốt	
22	21DQ4802011042	Nguyễn Văn	Sáng	81	71	74	Khá	
23	21DQ4802011043	Lê Đức	Kiên	69	61	64	TB	
24	21DQ4802011045	Nguyễn Trọng	Đạt	76	76	76	Khá	
25	21DQ4802011046	Lê Quang	Văn	69	69	69	Khá	
26	21DQ4802011048	Huỳnh Trung	Nguyên	74	76	75	Khá	
27	21DQ4802011049	Lê Minh	Quyển	73	77	76	Khá	
28	21DQ4802011050	Nguyễn Văn	Thiện	69	71	70	Khá	
29	21DQ4802011051	Lê Châu	Hải	69	61	64	TB	
30	21DQ4802011053	Hà Quốc	Toàn	72	65	67	Khá	
31	21DQ4802011057	Phạm Ngọc	Thành	73	73	73	Khá	
32	21DQ4802011058	Lê Quốc	Đạt	71	71	71	Khá	



STT	Mã SV		Họ và tên			ĐRL HK1	ĐRL HK2	TỔNG	XẾP LOẠI	Ghi chú
	Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ				
	Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%				
	Tốt	6	18.75%	TB	6	18.75%				
	Khá	20	62.50%	Yếu -Kém	0	0.00%				

Phủ Yên, ngày 10 tháng 06 năm 2025



Trưởng phòng CTSV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D20 (4.5-5 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Kiến trúc công trình

Lớp học : D20KTR1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	20DQ5801011003	Ngô Thanh Dũng	06/10/2001	73	66	74	76	72	73	Khá
2	20DQ5801011004	Nguyễn Quốc Duy	03/03/2002	77	70	66	72	72	71	Khá
3	20DQ5801011006	Hồ Thế Hoàng Đức	29/05/2002	73	71	80	76	72	75	Khá
4	20DQ5801011007	Nguyễn Tấn Được	07/01/2002	78	73	87	83	90	84	Tốt
5	20DQ5801011008	Hoàng Văn Hà	11/11/1998	87	87	77	77	72	77	Khá
6	20DQ5801011009	Nguyễn Thái Sơn Hà	02/09/2002	70	68	66	69	75	70	Khá
7	20DQ5801011010	Đào Thái Hải	26/04/2002	81	70	83	81	80	80	Tốt
8	20DQ5801011011	Nguyễn Long Hùng	22/09/2002	84	88	92	88	89	89	Tốt
9	20DQ5801011012	Trần Chí Huy	19/08/2002	91	85	75	78	78	79	Khá
10	20DQ5801011017	Trần Văn Quốc	20/01/2002	75	67	70	71	74	72	Khá
11	20DQ5801011021	Phan Tấn Thắng	10/10/2002	70	70	72	72	74	72	Khá
12	20DQ5801011022	Nguyễn Trung Thiên	20/11/2002	86	87	91	87	85	87	Tốt
13	20DQ5801011023	Trần Quốc Thông	18/12/2002	71	63	65	70	75	70	Khá
14	20DQ5801011024	Tạ Thị Hoài Thu	04/09/2002	90	93	100	99	97	97	Xuất sắc
15	20DQ5801011026	Trần Nhật Trường	18/09/2002	76	67	67	69	72	70	Khá
16	20DQ5801011028	Trần Lê Vy	02/01/2002	81	87	86	88	95	89	Tốt
17	20DQ5801011029	Trương Việt Hoàng	07/07/2002	66	55	61	52	64	59	TB
18	20DQ5801011030	Phạm Quốc Hưng	31/03/2002	69	67	70	75	71	71	Khá
19	20DQ5801011031	Hà Tâm Sinh	10/11/2002	70	67	78	76	69	72	Khá
20	20DQ5801011033	Huỳnh Tín	09/11/2002	64	63	67	61	69	65	Khá
21	20DQ5801011035	Trương Quốc Toàn	01/09/2001	68	58	64	52	71	63	TB
22	20DQ5801011038	Trịnh Gia Bảo	03/02/2002	79	68	65	59	66	65	Khá
23	20DQ5801011040	Lê Võ Phương Duyên	12/11/2002	89	67	74	79	80	77	Khá
24	20DQ5801011041	Nguyễn Ngọc Thanh	06/07/2002	74	71	75	69	71	71	Khá
25	20DQ5801011042	Phan Thị Bảo Trân	02/01/2002	88	78	97	94	100	94	Xuất sắc
26	20DQ5801011046	Nguyễn Thị Hồng	12/05/2002	84	79	85	88	96	89	Tốt
27	20DQ5801011047	Nguyễn Duy Hải Lam	08/11/2002	77	57	59	56	67	62	TB

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
28	20DQ5801011048	Huỳnh Gia Huệ	15/06/2002	76	65	71	63	78	71	Khá
29	20DQ5801011050	Phan Minh Thiết	15/10/2002	71	67	71	69	72	70	Khá
30	20DQ5801011051	Nguyễn Trọng Tinh	27/07/2002	78	79	83	81	73	78	Khá
31	20DQ5801012001	Đỗ Ngọc Quỳnh Ngân	10/11/2002	72	71	68	72	75	72	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	2	6.45%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	6	19.35%	TB	3	9.68%
Khá	20	64.52%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phú Yên, ngày 10 tháng 6 năm 2025



Trưởng phòng CTSV

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Người lập bảng

Nguyễn Thanh Bình



KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA CỦA SINH VIÊN

Khóa học : D21. (3.5-4 năm)

Bậc đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ thông tin

Lớp học : D21CTC1

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
1	21DQ4802011001	Lê Hoài Ân	22/02/2003	71	73	69	81		75	Khá
2	21DQ4802011002	Đặng Hùng Dũng	07/02/2003	66	63	67	67		66	Khá
3	21DQ4802011003	Nguyễn Như Quỳnh	02/01/2003	75	70	85	82		80	Tốt
4	21DQ4802011004	Lê Hoàng VT	14/03/2001	57	53	61	58		58	TB
5	21DQ4802011005	Trần Bảo Khanh	14/06/2003	65	72	76	82		77	Khá
6	21DQ4802011007	Nguyễn Đăng Hải	29/12/2003	63	61	65	61		62	TB
7	21DQ4802011009	Phạm Thị Huyền Mai	10/08/2003	63	66	65	71		67	Khá
8	21DQ4802011010	Đặng Chí Toàn	14/11/2003	72	75	73	68		71	Khá
9	21DQ4802011012	Trương Minh Tâm	21/12/2003	59	66	68	72		68	Khá
10	21DQ4802011013	Lê Khánh Trinh	06/09/2003	79	86	88	89		87	Tốt
11	21DQ4802011014	Nguyễn Võ Anh Kiệt	09/04/2003	64	68	76	68		70	Khá
12	21DQ4802011015	Nguyễn Ngọc Duy Phương	23/01/2003	76	65	69	73		71	Khá
13	21DQ4802011017	Phan Tấn Phúc	04/12/2003	68	70	75	76		74	Khá
14	21DQ4802011019	Trần Hữu Tịnh	02/05/2003	66	65	71	68		68	Khá
15	21DQ4802011020	Võ Ngọc Hoàng Thiên	03/05/2003	69	87	88	84		84	Tốt
16	21DQ4802011024	Nguyễn Anh Nhật	23/11/2003	59	70	77	71		71	Khá
17	21DQ4802011027	Phan Lâm Kỳ	25/05/2003	63	62	67	71		67	Khá
18	21DQ4802011033	Nguyễn Văn Hoàng	19/09/2003	67	64	66	64		65	Khá
19	21DQ4802011035	Nguyễn Mạnh Hưng	07/06/2002	65	66	70	64		66	Khá
20	21DQ4802011036	Phạm Huỳnh Chi	19/07/2003	68	64	74	73		71	Khá
21	21DQ4802011038	Võ Xuân Tuấn	01/05/2003	77	84	94	89		88	Tốt
22	21DQ4802011042	Nguyễn Văn Sáng	15/11/2003	72	72	79	74		75	Khá
23	21DQ4802011043	Lê Đức Kiên	05/09/2003	68	61	66	64		64	TB
24	21DQ4802011045	Nguyễn Trọng Đạt	17/10/2002	69	65	68	76		71	Khá
25	21DQ4802011046	Lê Quang Văn	08/05/2003	65	66	70	69		68	Khá
26	21DQ4802011048	Huỳnh Trung Nguyên	24/02/2003	69	66	75	75		73	Khá
27	21DQ4802011049	Lê Minh Quyền	02/11/2003	71	70	73	76		73	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	N1	N2	N3	N4	N5	Tổng	Xếp loại
28	21DQ4802011050	Nguyễn Văn	Thiện	27/04/2003	64	65	70	70		68	Khá
29	21DQ4802011051	Lê Châu	Hải	11/09/2003	63	65	68	64		65	Khá
30	21DQ4802011053	Hà Quốc	Toàn	25/04/2003	76	65	66	67		67	Khá
31	21DQ4802011057	Phạm Ngọc	Thành	19/06/2003	66	62	68	73		69	Khá
32	21DQ4802011058	Lê Quốc	Đạt	24/12/2002	66	66	66	71		68	Khá

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	0	0.00%
Tốt	4	12.50%	TB	3	9.38%
Khá	25	78.13%	Yếu -Kém	0	0.00%

Phủ Yên, ngày 01 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trưởng phòng CTSV

Người lập bảng



TS. Lê Đức Thường

Ths. Nguyễn Nguyên Khang

Nguyễn Thanh Bình

